



#### Tổng quan thị trường

	Thị giá	1D	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	988,22	0,52	1,45	-0,79
HNX INDEX	103,92	0,18	2,97	-9,15
VN30 INDEX	915,27	0,86	3,31	-5,67
MSCI EM	994,16	-0,24	-1,37	-0,13
NIKKEI	21.587,78	0,99	1,83	-9,23
HANG SENG	25.893,40	0,28	-2,99	-2,56
KOSPI	2.046,25	1,21	1,85	-9,21
FTSE	7.196,88	-0,01	-1,17	-0,50
S&P 500	2.938,79	-0,45	-1,34	1,88
NASDAQ	7.956,29	-0,33	-1,81	2,85

#### Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (X)	ROE (%)
VN-INDEX	16,85	2,42	14,60

#### Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M	1Y
Cơ bản	6,00	0,00	-25,00	-25,00
3 năm	2,82	0,05	-7,16	-134,06
10 năm	3,98	-2,36	-7,78	-97,71

#### Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
USD/VND	23.202	0,00	-0,01	0,65
USD/KRW	1.193	0,28	0,00	-5,07
USD/JPY	107,07	0,18	0,16	5,75
USD/CNY	7,13	0,24	-0,13	-2,82

#### Giá hàng hóa

	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
Dầu thô	52,68	-0,13	-6,79	-29,09
Thép	507,00	1,00	-10,27	-38,77
Đường	12,51	-0,08	13,52	-3,32
Cà phê	1.268	1,20	-0,31	-24,70
Cao su	126,40	1,12	-5,18	-4,96
Nickel	17.725	-0,37	0,23	40,45
Đồng	5.722	1,40	-1,90	-7,31
Thiếc	16.330	-0,88	-6,01	-13,94

#### VN-INDEX valuation: 5-year band chart



09 Tháng Mười 2019

# Chào buổi sáng Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: [cs@miraeasset.com.vn](mailto:cs@miraeasset.com.vn)

## Nhận định thị trường

### Nhóm bluechips nâng đỡ thị trường

Ảnh hưởng đà giảm chứng khoán Mỹ đã tác động khiến thị trường khởi động phiên khá thận trọng. Nhưng lực cầu của nhóm vốn hóa lớn như VIC, VCB, MSN, BID, HPG, ACB, ... đã giúp hai sàn phục hồi dần về cuối phiên với thanh khoản vẫn duy trì khá ổn định phiên thứ 5 liên tiếp khi cung cầu không bên nào chiếm ưu thế lớn.

Nhóm thép (HMC, HPG, VIS), ngân hàng (STB, VCB, BID, TCB, MBB, CTG, VPB, HDB, ACB), bất động sản (IDJ, CII, NLG, HDC, HAR) là những ngành tăng điểm đáng chú ý. Đối lập, ngành dầu khí (GAS, PVS, PVD), hóa chất (PLC, PHR, DPR, HAI) ở chiều giảm điểm.

Khối ngoại bán ròng với giá trị 24 tỷ đồng, tập trung ở các mã: VRE (25 tỷ), GAS (20 tỷ), PVS (14 tỷ), HPG (12 tỷ), TNA (9 tỷ), và ROS (8 tỷ).

HVG bất ngờ có phiên tăng trần, xác lập mức cao mới trong 3 tuần gần đây tại 2.970 đ/cp với thanh khoản có sự gia tăng mạnh mẽ đạt 1,3 triệu đơn vị.

STB xác nhận mô hình vai đầu vai sau phiên tăng 4,8% với thanh khoản đạt 11,7 triệu đơn vị được chuyển nhượng, kỳ vọng lên vùng giá 11.500 đ/cp.

BSR bất ngờ tăng phiên thứ 2 liên tiếp sau thông tin PVN đang có kế hoạch để triển khai bán 49% vốn của BSR.

Phiên tăng điểm hôm nay trong bối cảnh chứng khoán thế giới giảm điểm cho thấy cung cầu vẫn đang khá giằng co trong biên độ hẹp và dao động trong khoảng 980 - 1.000 điểm. Chúng tôi vẫn duy trì **TỶ TRỌNG CỔ PHIẾU TRUNG BÌNH**.

**Đình Minh Trí**, Analyst, 84-8-39102222, [tri.dm@miraeasset.com.vn](mailto:tri.dm@miraeasset.com.vn)

## Trump dọa xóa sổ nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ

"Như tôi từng mạnh mẽ tuyên bố trước đây và giờ chỉ nhắc lại là nếu Thổ Nhĩ Kỳ làm bất cứ điều gì mà tôi, với trí tuệ tuyệt vời và không gì sánh được, coi là vượt quá giới hạn, tôi sẽ phá hủy và xóa sổ hoàn toàn nền kinh tế Thổ Nhĩ Kỳ (tôi đã từng làm như thế)", Tổng thống Trump viết trên Twitter ngày 7/10.

## Mỹ - Nhật Bản chính thức ký kết thỏa thuận thương mại song phương

Hãng tin Kyodo đưa tin Nhật Bản và Mỹ ngày 7/10 đã chính thức ký kết thỏa thuận thương mại song phương được kỳ vọng sẽ đưa những người nông dân Mỹ quay trở lại sân chơi cân bằng với các đối thủ quốc tế thông qua chính sách giảm thuế đối với các sản phẩm nông nghiệp. Trước lễ ký thỏa thuận thương mại giữa Đại sứ Nhật Bản tại Mỹ Shinsuke Sugiyama và Đại diện Thương mại Mỹ Robert Lighthizer tại Nhà Trắng, Tổng thống Donald Trump khẳng định, thỏa thuận này sẽ trở thành một "nhân tố làm thay đổi cuộc chơi cho những người nông dân và các chủ trang trại gia súc của chúng ta", mang đến cho họ quyền tiếp cận được nâng cao đáng kể với một thị trường nước ngoài then chốt.

## Mỹ liệt 8 công ty Trung Quốc vào danh sách đen

Chính quyền Tổng thống Donald Trump liệt 8 công ty công nghệ của Trung Quốc vào danh sách đen với cáo buộc họ vi phạm nhân quyền đối với cộng đồng người Hồi giáo tại Tân Cương. Các công ty này bị cấm làm ăn với doanh nghiệp Mỹ mà không được chính quyền Tổng thống Trump cấp phép. "Cụ thể, các công ty này đã vi phạm và lạm dụng nhân quyền để đàn áp, tự ý giam giữ cũng như sử dụng công nghệ giám sát tân tiến để chống lại người Duy Ngô Nhĩ, Kazakhstan và Hồi giáo ở Tân Cương", bộ Thương mại Mỹ khẳng định trong thông báo phát đi ngày 7/10.

## Động thổ nhà máy nhiệt điện 2,58 tỷ USD của Sumitomo tại Khánh Hòa

Dự án Nhà máy Nhiệt điện BOT Vân Phong 1 (Khánh Hòa) do Tập đoàn Sumitomo Corporation (Nhật Bản) làm chủ đầu tư với tổng vốn lên tới 2,58 tỷ USD vừa chính thức được khởi công. Theo kế hoạch, cả 2 tổ máy với tổng công suất 1.320MW sẽ được hoàn tất xây dựng và đi vào vận hành thương mại trong năm 2023. Mỗi năm, nhà máy dự kiến cung cấp cho hệ thống lưới điện quốc gia khoảng 9 tỷ kWh. Lượng điện này được truyền tải thông qua đường dây 500kV Vân Phong - Vĩnh Tân, góp phần giải quyết tình trạng thiếu hụt điện năng cho khu vực miền Nam.

## Thủ tướng yêu cầu 3 Bộ nghiên cứu trung tâm công nghệ cao 20 ha của Thái Lan

Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc vừa yêu cầu Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương nghiên cứu về việc Tập đoàn Charoen Pokphand (CP Group - Thái Lan) khai trương trung tâm công nghệ cao True Digital Park có tổng diện tích lên tới 20 ha. Đây là trung tâm công nghệ cao đầu tiên và lớn nhất Đông Nam Á, được kỳ vọng trở thành điểm đến hấp dẫn thu hút giới công nghệ trong khu vực và toàn thế giới. Sau khi nghiên cứu, 3 Bộ có hướng đề xuất báo cáo Thủ tướng.

## Cuối năm 2020, 100% siêu thị ở TP.HCM dùng bao bì thân thiện môi trường thay túi nilon, tiểu thương ở chợ giảm 50% túi nilon trong đóng gói

Đến năm 2020, sẽ có 100% phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố triển khai phân loại rác tại nguồn, với tỷ lệ phân loại đúng quy định đạt tối thiểu 50%. Thành phố cũng sẽ hoàn thành việc chuyển đổi 100% lực lượng thu gom rác dân lập thành các hợp tác xã hoặc doanh nghiệp có tư cách pháp nhân. Đồng thời đưa tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý bằng công nghệ chôn lấp hợp vệ sinh giảm còn tối đa 50%.

### **Hòa Bình tái khởi động khu đô thị nghỉ dưỡng 98 ha**

UBND tỉnh Hòa Bình vừa phê duyệt danh mục dự án nhà ở thương mại - Khu đô thị sinh thái nghỉ dưỡng cao cấp Đồng Trường Sơn tại xã Tân Vinh, huyện Lương Sơn. Dự án có tổng diện tích sử dụng đất là 98 ha, chưa giải phóng mặt bằng. Dự kiến thời gian thực hiện dự án từ 2019 đến 2022.

### **DDV: bị phạt thuế hơn 600 triệu đồng**

Theo đó, Cục thuế Tp Hải Phòng quyết định xử phạt Công ty DAP - VINACHEM gần 484 triệu đồng do vi phạm pháp luật về thuế năm 2016. Bên cạnh đó Cục thuế Tp Hải Phòng còn quyết định xử lý vi phạm về thuế theo kết quả kiểm tra thuế TNCN đối với Công ty trong giai đoạn từ 2009 - 2017 số tiền hơn 154 triệu đồng.

### **SBT: bán hết hơn 61 triệu cổ phiếu quỹ cho mẹ con bà Đặng Huỳnh Ước My**

Theo đó, trong khoảng thời gian từ 13/9 đến 4/10/2019 TTC Sugar đã hoàn tất bán ra toàn bộ hơn 61,6 triệu cổ phiếu quỹ với giá bán bình quân 18.500 đồng/cổ phiếu, thu về gần 1.140 tỷ đồng. Sau giao dịch TTC Sugar không còn sở hữu cổ phiếu quỹ nào.

### **BSR: PVN đang triển khai bán 49% vốn BSR**

Doanh thu BSR ước đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng sau 9 tháng. Giá thành sản xuất bình quân của nhà máy lọc dầu giảm 1,5% và nhà máy hạt nhựa giảm 3%. Tập đoàn dầu khí Việt Nam (PVN) cùng BSR đang triển khai kế hoạch thoái vốn, bán 49% vốn điều lệ.

### **DHB: có CEO mới trong bối cảnh thua lỗ triền miên, âm vốn chủ**

CTCP Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc (DHB) công bố quyết định bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Ninh, Thành viên HĐQT, Phó TGĐ phụ trách Ban Tổng Giám đốc, giữ chức Tổng Giám đốc công ty thời gian 3 năm, kể từ 5/10/2019. Kết quả kinh doanh, từ sau cổ phần hóa 1/1/2016 đến nay, Đạm Hà Bắc đã thua lỗ triền miên bắt đầu với số lỗ hơn nghìn tỷ đồng năm 2016. Tính đến 31/12/2018 Đạm Hà Bắc ghi nhận lỗ lũy kế hơn 2.650 tỷ đồng.

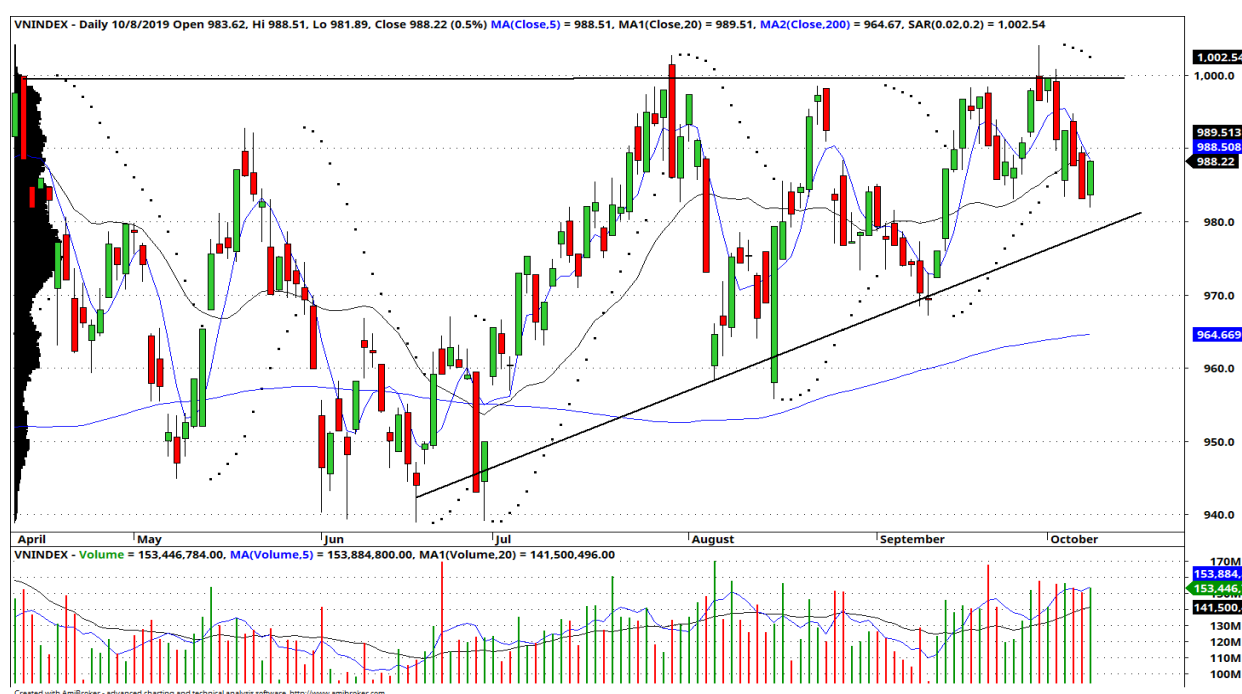
### **STB: Lợi nhuận của Sacombank tăng gần 90% trong 9 tháng đầu năm, đạt xấp xỉ 2.500 tỷ đồng**

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB) vừa thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh 9 tháng đầu năm. Theo đó, tính đến ngày 30/9/2019, lợi nhuận trước thuế của Sacombank đạt 2.491 tỷ đồng, tăng 89,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng tài sản đạt 450.200 tỷ đồng, tăng 10,9% so với đầu năm; huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư đạt 408.882 tỷ đồng, tăng 14,4%; cho vay đạt 290.934 tỷ đồng, tăng 13,1%.

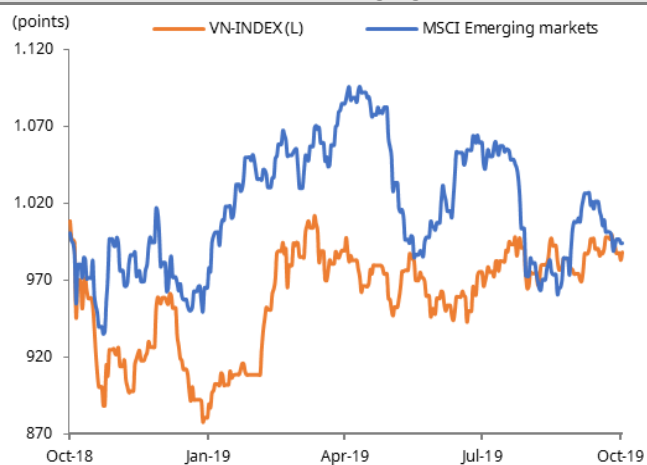
VN-Index phục hồi trở lại sau 2 phiên giảm điểm trước đó. Thanh khoản tiếp tục duy trì khá đều trong 5 phiên liên tiếp cho thấy sự giằng co ở cả hai chiều cung cầu khi vùng giá 980 – 1.000 điểm duy trì trong 3 tuần liên tiếp. Chỉ khi vượt khỏi khung giá này thì VN-Index mới hình thành xu hướng mới.

Chỉ tiêu	Điểm số	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa	988,22 (+0,52%)	Xu hướng ngắn hạn	Đi ngang
Kháng cự	1.000 – 1.015	Xu hướng trung hạn	Đi ngang
Hỗ trợ	980	Xu hướng dài hạn	Đi ngang

Bộ phận phân tích Mirae Asset

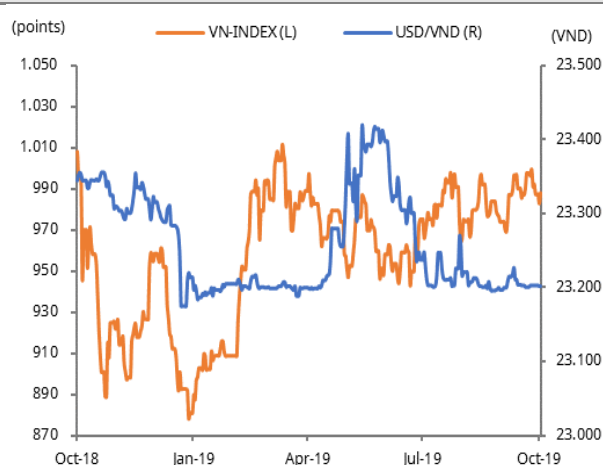


**Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets**



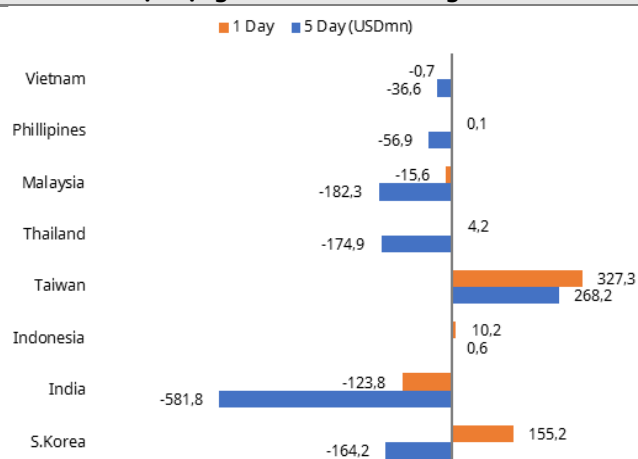
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND**



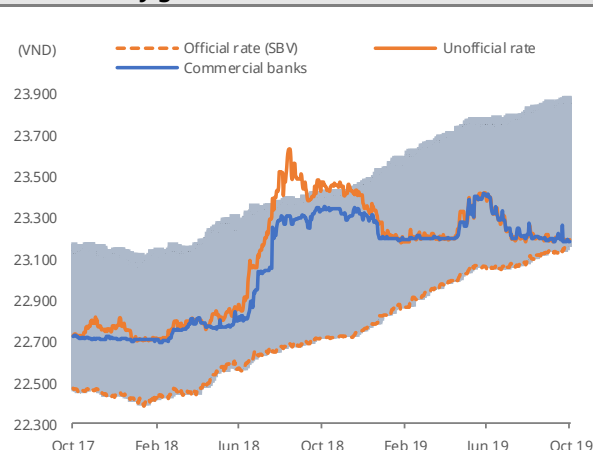
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài**



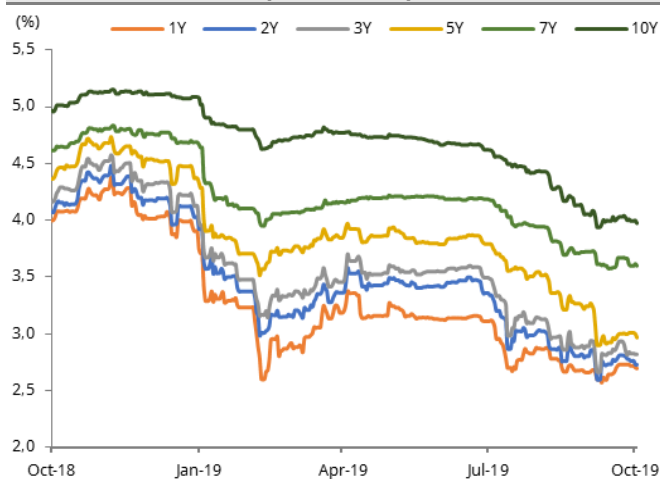
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND**



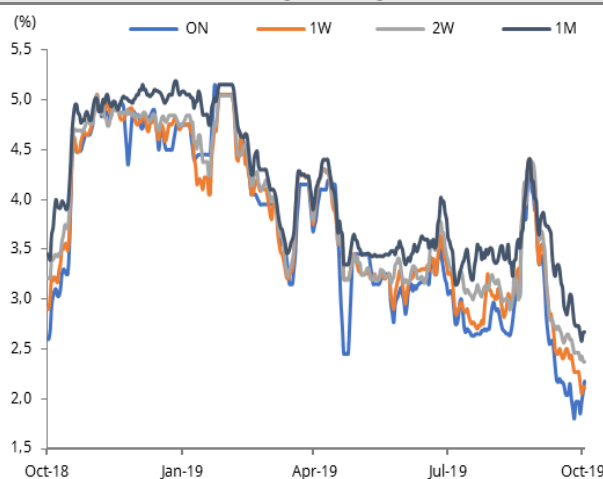
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng**



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

**Bảng 1. Chỉ số định giá chính của thị trường Việt Nam**

Tên công ty	Mã CK	Giá (VND)	Vốn hoá (Tỷ đồng )	Sở hữu NĐTNN (%)	Tăng trưởng EPS (Pha loãng, TTM %)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		ROE (%)*	
						1D	1W	1M	1Y	FY19	FY20	FY19	FY20	FY19	FY20
<b>Vietnam Index</b>	<b>VNINDEX</b>	<b>988,22</b>	<b>3.325.820</b>			<b>0,5</b>	<b>-1,1</b>	<b>1,5</b>	<b>-0,8</b>	<b>16,6</b>	<b>13,7</b>	<b>2,6</b>	<b>2,3</b>	<b>16,9</b>	<b>17,7</b>
<b>HNX Index</b>	<b>VHINDEX</b>	<b>103,92</b>	<b>185.403</b>			<b>0,2</b>	<b>-1,8</b>	<b>3,0</b>	<b>-9,1</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
<b>Upcom Index</b>	<b>VHUIINDEX</b>	<b>56,82</b>	<b>975.405</b>			<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,1</b>	<b>5,9</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
VN30 Index	VN30	915,27	2.624.592			0,9	-1,2	3,3	-5,7	12,9	10,9	2,3	2,0	17,5	17,9
HNX30 Index	HNX30	186,67	108.744			-0,4	-3,0	1,3	-11,2	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>NGÂN HÀNG</b>			<b>807.603</b>		<b>41,0</b>	<b>1,9</b>	<b>1,0</b>	<b>7,9</b>	<b>11,7</b>	<b>15,3</b>	<b>11,9</b>	<b>2,4</b>	<b>2,0</b>	<b>18,0</b>	<b>18,7</b>
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	85.100	315.625	23,8	50,6	2,8	2,0	10,1	38,1	19,3	14,9	3,9	3,2	23,3	24,1
NHTMCP Công Thương VN	CTG VN	20.750	77.261	30,0	-36,6	1,0	-2,6	4,3	-22,7	12,1	10,6	1,1	1,0	10,8	12,1
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41.100	140.509	3,3	-55,2	1,7	2,8	8,2	14,2	23,2	16,3	2,1	1,9	12,7	14,2
NHTMCP Quân Đội	MBB VN	22.700	51.812	20,0	52,2	1,3	-1,5	8,5	3,2	7,4	6,3	1,4	1,2	21,0	20,7
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	11.000	19.840	12,6	12,2	4,8	4,8	8,4	-20,6	9,3	8,5	NA	NA	8,2	8,5
NHTMCP Xuất Nhập khẩu VN	EIB VN	16.800	20.654	30,0	-62,6	-0,6	0,9	-0,6	17,5	NA	NA	NA	NA	NA	NA
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	22.000	54.048	23,2	5,7	1,1	-1,6	8,1	-13,0	7,2	5,8	1,3	1,1	19,3	19,5
NHTMCP Phát triển Tp.Hồ Chí Minh	HDB VN	27.600	27.076	24,2	47,6	0,7	-2,3	8,2	-27,0	9,5	8,6	1,5	1,5	18,6	19,0
<b>BẢO HIỂM</b>			<b>56.928</b>		<b>-25,1</b>	<b>1,5</b>	<b>-3,1</b>	<b>-4,4</b>	<b>-20,5</b>	<b>NA</b>	<b>27,4</b>	<b>NA</b>	<b>2,5</b>	<b>8,1</b>	<b>9,7</b>
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	71.900	50.394	25,3	-20,6	1,7	-5,0	-4,8	-22,8	40,4	30,4	2,9	2,8	8,1	9,8
CTCP Bảo hiểm NH ĐT & PT Việt Nam	BIC VN	23.950	2.809	47,5	-0,8	-0,2	0,0	0,0	-7,9	NA	NA	NA	NA	NA	NA
TCTCP Bảo Minh	BMI VN	24.850	2.270	37,7	-49,0	1,0	-0,6	0,2	6,7	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>TÀI CHÍNH</b>			<b>35.431</b>		<b>9,8</b>	<b>1,6</b>	<b>-4,3</b>	<b>2,6</b>	<b>-30,0</b>	<b>4,5</b>	<b>4,0</b>	<b>0,3</b>	<b>0,3</b>	<b>8,5</b>	<b>10,2</b>
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	21.400	10.872	57,0	-19,5	1,4	-7,6	1,4	-34,3	9,6	8,7	0,9	0,9	9,7	11,4
CTCP Chứng Khoán Tp.Hồ Chí Minh	HCM VN	22.800	6.966	56,2	-54,0	1,8	-7,9	7,5	-33,5	NA	NA	NA	NA	12,5	15,3
CTCP Chứng Khoán Bản Việt	VCI VN	34.700	5.703	38,3	18,1	3,3	-0,9	7,4	-46,1	NA	NA	NA	NA	14,4	16,5
CTCP Chứng Khoán VNDirect	VND VN	14.000	2.920	41,2	-44,0	0,0	-1,1	1,8	-38,3	NA	NA	NA	NA	7,6	10,9
<b>THỰC PHẨM &amp; ĐỒ UỐNG</b>			<b>573.259</b>		<b>4,1</b>	<b>-0,1</b>	<b>-0,6</b>	<b>1,2</b>	<b>0,5</b>	<b>23,8</b>	<b>20,3</b>	<b>6,3</b>	<b>5,6</b>	<b>26,8</b>	<b>26,6</b>
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	129.000	224.638	59,0	8,4	-0,1	0,8	5,0	-3,0	23,1	21,9	8,1	7,5	38,3	38,0
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	SAB VN	258.500	165.771	63,4	-3,8	-0,6	-1,3	-2,8	15,8	35,2	29,4	9,3	8,0	30,6	31,2
CTCP Tập Đoàn Masan	MSN VN	76.900	89.892	40,3	-38,0	0,5	-2,4	3,9	-14,4	19,5	16,0	2,6	2,3	14,5	15,4
CTCP Tập Đoàn Kido	KDC VN	20.500	4.216	20,6	286,2	-1,0	2,0	-0,5	-24,6	33,2	25,9	0,6	0,6	2,4	2,9
Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội	BHN VN	76.500	17.733	17,6	-21,4	1,2	0,3	-12,1	-15,0	NA	NA	NA	NA	NA	NA

**Bảng 1. Chỉ số định giá chính của thị trường Việt Nam (tiếp theo)**

Tên công ty	Mã CK	Giá (VND)	Vốn hoá (Tỷ đồng)	Sở hữu NĐTNN (%)	Tăng trưởng EPS (Pha loãng, TTM %)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		ROE (%)*	
						1D	1W	1M	1Y	FY19	FY20	FY19	FY20	FY19	FY20
CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	SBT VN	17.900	9.400	6,0	-39,1	0,6	0,6	6,2	-7,0	26,7	NA	1,5	NA	6,8	NA
CTCP Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai	HNG VN	15.100	16.739	0,4	-283,1	-0,7	-3,2	-12,0	-6,2	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Vinh Hoàn	VHC VN	78.500	7.254	34,7	100,7	-1,9	-6,1	-1,6	-14,8	5,3	4,9	1,4	1,2	31,3	25,5
<b>XE HƠI VÀ PHỤ TÙNG</b>			<b>14.757</b>		<b>59,1</b>	<b>-0,7</b>	<b>-1,3</b>	<b>1,1</b>	<b>51,5</b>	<b>10,0</b>	<b>8,7</b>	<b>2,0</b>	<b>1,8</b>	<b>23,3</b>	<b>22,3</b>
CTCP Cao Su Phước Hoà	PHR VN	59.000	7.994	6,6	57,9	-1,2	-3,9	-0,2	103,4	9,9	9,2	2,7	2,3	34,6	32,7
CTCP Cao Su Đà Nẵng	DRC VN	23.450	2.786	23,7	11,1	0,6	3,3	7,8	-10,0	17,1	15,7	1,8	1,7	11,4	11,9
CTCP Pin Ấc Quy Miền Nam	PAC VN	29.450	1.369	25,5	32,7	-0,8	3,2	4,4	-36,0	9,2	8,2	2,0	1,8	25,9	25,5
<b>NGUYÊN VẬT LIỆU</b>			<b>115.016</b>		<b>-14,0</b>	<b>1,5</b>	<b>1,1</b>	<b>1,7</b>	<b>-21,8</b>	<b>6,7</b>	<b>5,7</b>	<b>9,3</b>	<b>0,8</b>	<b>12,9</b>	<b>13,5</b>
CTCP Tập Đoàn Hòa Phát	HPG VN	21.900	60.468	37,8	-14,6	2,8	0,0	2,3	-30,9	6,8	6,0	1,3	1,1	18,7	19,6
TCT Phân Bón & Hóa Chất Dầu Khí - CTCP	DPM VN	14.600	5.713	19,0	-41,0	2,8	7,7	9,4	-21,5	20,0	12,8	0,7	0,7	4,4	6,8
CTCP Tập Đoàn Hoa Sen	HSG VN	7.160	3.030	17,5	-96,6	-1,4	4,4	8,3	-40,8	7,8	7,8	0,5	0,5	7,4	7,2
CTCP Thép Nam Kim	NKG VN	5.830	1.061	40,2	NA	0,0	4,3	-3,3	-61,1	10,4	12,6	0,3	0,3	3,5	2,8
<b>XÂY DỰNG CƠ BẢN</b>			<b>117.880</b>		<b>29,4</b>	<b>0,2</b>	<b>-0,6</b>	<b>2,1</b>	<b>-8,4</b>	<b>4,2</b>	<b>3,7</b>	<b>0,6</b>	<b>0,5</b>	<b>7,2</b>	<b>7,2</b>
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	25.850	14.672	2,6	3,9	-0,6	-1,3	-4,6	-35,4	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Xây Dựng Coteccons	CTD VN	90.600	6.912	48,9	-33,6	-0,7	-3,6	-6,6	-45,5	6,2	6,3	0,7	0,7	12,8	11,8
CTCP Tập đoàn Xây dựng Hòa Bình	HBC VN	14.000	3.232	23,3	-34,5	1,4	-3,4	5,3	-38,6	5,0	4,4	0,9	0,8	19,8	18,9
TCTCP Đầu Tư Phát triển Xây Dựng	DIG VN	14.800	4.661	36,2	-13,1	0,0	-1,0	6,1	-9,7	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Xây Lắp Điện I	PC1 VN	19.700	3.139	38,5	0,6	-1,5	-3,4	2,1	-12,4	8,6	6,9	0,8	0,7	11,8	13,8
<b>PHẦN MỀM &amp; DỊCH VỤ</b>			<b>4.069</b>		<b>10,0</b>	<b>1,0</b>	<b>-1,3</b>	<b>-2,1</b>	<b>68,4</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
CTCP Tập Đoàn Công Nghệ CMC	CMG VN	37.800	3.780	37,3	-5,6	1,1	0,8	-1,6	76,4	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG</b>			<b>275.280</b>		<b>12,6</b>	<b>-0,6</b>	<b>-1,1</b>	<b>-0,5</b>	<b>-8,7</b>	<b>13,2</b>	<b>12,8</b>	<b>2,9</b>	<b>2,7</b>	<b>20,0</b>	<b>19,2</b>
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	99.900	191.204	3,7	4,4	-0,8	-5,9	-0,9	-14,2	16,2	15,8	3,9	3,6	25,8	24,6
CTCP Điện Lực Dầu Khí Nhơn Trạch 2	NT2 VN	23.800	6.851	19,8	-22,4	0,0	-1,2	-5,6	-10,9	9,5	8,9	1,9	1,8	19,6	20,3
CTCP Nhiệt Điện Phả Lại	PPC VN	26.150	8.384	15,5	1,4	0,4	-0,6	4,6	34,8	8,3	9,8	1,5	1,5	16,2	15,4
CTCP Thủy Điện Miền Trung	CHP VN	20.400	2.827	3,5	-11,4	0,0	-1,0	-1,2	-10,5	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Thủy Điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	VSH VN	19.000	3.919	13,0	-55,6	-1,8	-0,5	-1,0	7,3	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>BẤT ĐỘNG SẢN</b>			<b>910.766</b>		<b>47,9</b>	<b>-0,1</b>	<b>-0,9</b>	<b>-1,9</b>	<b>12,8</b>	<b>38,7</b>	<b>26,0</b>	<b>4,1</b>	<b>3,4</b>	<b>16,1</b>	<b>17,0</b>
CTCP Vingroup	VIC VN	117.100	391.809	15,2	-91,6	0,1	-2,3	-3,3	21,2	69,3	44,4	5,0	4,5	6,1	8,1
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31.250	72.776	31,6	57,1	-0,8	-4,4	-8,4	-2,6	24,8	20,4	2,4	2,2	9,5	10,8
CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	62.600	58.246	7,4	65,1	0,2	-1,6	0,8	-1,4	18,9	18,2	2,6	2,2	15,2	14,7
CTCP Phát triển Bất động sản Phát Đạt	PDR VN	26.300	8.617	6,3	68,3	0,8	0,8	-0,8	23,0	NA	NA	NA	NA	NA	NA
TCT PT Đô Thị Kinh Bắc	KBC VN	15.100	7.093	25,2	101,0	1,0	-1,6	-2,6	12,3	8,3	7,0	0,8	0,7	9,1	10,2



**Bảng 1. Chỉ số định giá chính của thị trường Việt Nam (tiếp theo)**

Tên công ty	Mã CK	Giá (VND)	Vốn hoá (Tỷ đồng)	Sở hữu NĐTNN (%)	Tăng trưởng EPS (Pha loãng, TTM %)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		ROE (%)*	
						1D	1W	1M	1Y	FY19	FY20	FY19	FY20	FY19	FY20
CTCP Đầu Tư & KD Nhà Khang Điền	KDH VN	25.250	13.747	46,0	32,9	0,2	0,2	6,1	-4,6	14,7	10,9	1,8	1,7	13,2	15,3
CTCP DV & XD Địa Ốc Đất Xanh	DXG VN	16.400	8.664	46,7	27,2	1,2	-6,0	7,5	-27,3	6,0	5,7	1,1	1,0	18,5	18,2
CTCP Đầu Tư Nam Long	NLG VN	29.350	7.329	49,0	63,7	2,6	3,3	4,4	-2,0	8,4	6,9	1,4	1,2	17,8	18,0
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	88.600	296.767	15,1	44,1	-0,4	-0,7	-0,2	10,8	16,1	11,4	4,7	3,4	34,1	34,0
<b>NĂNG LƯỢNG</b>			<b>83.873</b>		<b>-11,7</b>	<b>0,1</b>	<b>-2,9</b>	<b>-4,0</b>	<b>-11,9</b>	<b>18,9</b>	<b>16,1</b>	<b>2,8</b>	<b>3,0</b>	<b>16,9</b>	<b>17,2</b>
Tập Đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	58.300	69.424	13,3	2,8	0,2	-3,8	-3,8	-12,7	18,6	17,1	3,2	3,4	19,0	19,3
TCT Cổ Phần Vận Tải Dầu Khí	PVT VN	17.100	4.813	30,6	24,0	2,1	0,6	-3,4	-9,8	7,7	7,1	0,9	0,8	14,1	13,5
TCT Gas Petrolimex	PGC VN	14.200	857	8,6	-8,8	0,0	-0,4	0,0	-5,3	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>HÀNG TIÊU DÙNG CÁ NHÂN</b>			<b>1.335</b>		<b>-2,1</b>	<b>1,0</b>	<b>0,5</b>	<b>1,7</b>	<b>-14,6</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
CTCP Bột Giặt Lix	LIX VN	41.200	1.335	19,6	10,4	1,0	0,0	1,7	-14,6	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>VẬN TẢI</b>			<b>167.112</b>		<b>10,2</b>	<b>0,6</b>	<b>0,7</b>	<b>1,5</b>	<b>-0,2</b>	<b>13,7</b>	<b>11,7</b>	<b>3,1</b>	<b>2,5</b>	<b>25,6</b>	<b>23,9</b>
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	137.400	71.975	19,9	3,8	0,0	-0,1	5,4	-2,3	12,8	10,6	4,2	3,3	37,8	37,0
CTCP ĐT Hạ Tầng Kỹ Thuật Tp.Hồ Chí Minh	CII VN	25.100	6.221	52,1	-680,0	2,7	6,8	22,1	-4,9	10,3	5,9	1,2	1,0	14,3	22,7
CTCP Gemadept	GMD VN	26.600	7.898	49,0	-6,3	-1,5	-3,3	-5,7	-6,2	15,1	13,0	1,3	1,2	9,4	9,9
CTCP ĐT & PT Cảng Đình Vũ	DVP VN	40.600	1.624	13,6	8,0	-1,9	-3,3	-11,9	-17,8	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Dịch Vụ Hàng Hóa Nội Bài	NCT VN	73.000	1.910	13,4	-13,8	0,0	-0,5	-2,7	-5,8	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Container Việt Nam	VSC VN	26.400	1.455	39,9	-16,4	-2,2	-4,3	-10,1	-36,0	5,5	5,7	0,8	0,7	13,6	12,3
TCT Hàng Không Việt Nam	HVN VN	33.350	47.300	9,9	-27,3	2,1	-0,7	-2,8	-12,7	20,8	19,7	2,4	2,1	13,3	12,9
TCT Cảng Hàng Không Việt Nam	ACV VN	74.300	161.755	3,7	40,3	-0,3	-2,4	-6,8	-11,5	26,6	22,2	4,6	4,0	21,5	21,1
<b>DƯỢC PHẨM</b>			<b>3.896</b>		<b>-7,7</b>	<b>-1,1</b>	<b>0,1</b>	<b>0,3</b>	<b>-3,5</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
CTCP Dược Hậu Giang	DHG VN	91.500	11.963	54,3	14,5	-0,3	-2,7	-1,7	-2,5	20,1	18,4	3,6	3,3	20,3	20,6
CTCP Traphaco	TRA VN	60.200	2.495	44,9	-6,5	2,0	0,3	-3,8	-26,6	13,7	12,3	NA	NA	NA	NA
<b>BÁN LẺ</b>			<b>61.940</b>		<b>26,5</b>	<b>1,4</b>	<b>-1,7</b>	<b>4,9</b>	<b>23,8</b>	<b>13,3</b>	<b>10,7</b>	<b>4,1</b>	<b>3,1</b>	<b>32,7</b>	<b>30,0</b>
CTCP Đầu Tư Thế Giới Di Động	MWG VN	123.000	54.457	49,0	25,0	1,7	-3,5	5,1	28,1	14,5	11,6	4,5	3,4	35,1	32,3
CTCP Dịch Vụ Tổng Hợp Sài Gòn	SVC VN	39.950	998	47,5	98,0	1,1	2,2	0,4	-11,2	NA	NA	NA	NA	NA	NA
<b>TIÊU DÙNG BỀN</b>			<b>27.700</b>		<b>-72,0</b>	<b>0,5</b>	<b>-0,2</b>	<b>-1,9</b>	<b>-4,7</b>	<b>11,9</b>	<b>9,6</b>	<b>2,8</b>	<b>2,3</b>	<b>24,5</b>	<b>23,0</b>
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	79.700	17.738	49,0	18,4	0,9	0,3	-1,6	-0,4	16,4	13,3	3,8	3,2	28,3	28,2
CTCP Dệt May - ĐT - TM Thành Công	TCM VN	23.450	1.358	49,0	22,0	-1,3	4,5	9,8	-14,9	6,1	6,1	1,0	0,8	17,9	17,4
<b>CÔNG NGHỆ PHẦN CỨNG</b>			<b>4.069</b>		<b>10,0</b>	<b>1,0</b>	<b>-1,3</b>	<b>-2,1</b>	<b>68,4</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>	<b>NA</b>
CTCP FPT	FPT VN	56.100	38.051	49,0	-6,1	1,1	-4,1	6,0	37,1	12,3	10,5	2,5	2,3	23,7	24,2
<b>TRUYỀN THÔNG - GIẢI TRÍ</b>			<b>1.797</b>		<b>86,2</b>	<b>1,0</b>	<b>1,2</b>	<b>-6,3</b>	<b>-74,5</b>	<b>32,4</b>	<b>13,3</b>	<b>1,2</b>	<b>1,1</b>	<b>3,2</b>	<b>7,9</b>
CTCP Yeah1	YEG VN	60.900	1.797	33,3	NA	1,0	0,7	-6,3	-74,5	32,4	13,3	1,2	1,1	3,2	7,9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates



**Bảng 2: Chỉ số định giá chính của VN30**

Tên công ty	Mã CK	Giá (VND)	Vốn hoá (Tỷ đồng)	Sở hữu NĐTNN (%)	Tăng trưởng EPS (Pha loãng, TTM %)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		ROE (%)*	
						1D	1W	1M	1Y	FY19	FY20	FY19	FY20	FY19	FY20
<b>VN30 Index</b>	<b>VN30</b>	<b>915,27</b>	<b>2.624.592</b>			<b>0,9</b>	<b>-1,2</b>	<b>3,3</b>	<b>-5,7</b>	<b>12,9</b>	<b>10,9</b>	<b>2,3</b>	<b>2,0</b>	<b>17,5</b>	<b>17,9</b>
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	41.100	140.509	3,3	-55,2	1,7	2,8	8,2	14,2	23,2	16,3	2,1	1,9	12,7	14,2
Tập đoàn Bảo Việt	BVH VN	71.900	50.394	25,3	-20,6	1,7	-5,0	-4,8	-22,8	40,4	30,4	2,9	2,8	8,1	9,8
CTCP Xây dựng Coteccons	CTD VN	90.600	6.912	48,9	-33,6	-0,7	-3,6	-6,6	-45,5	6,2	6,3	0,7	0,7	12,8	11,8
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	20.750	77.261	30,0	-36,6	1,0	-2,6	4,3	-22,7	12,1	10,6	1,1	1,0	10,8	12,1
TCT Phân bón Hóa chất Dầu khí	DPM VN	14.600	5.713	19,0	-41,0	2,8	7,7	9,4	-21,5	20,0	12,8	0,7	0,7	4,4	6,8
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	16.800	20.654	30,0	-62,6	-0,6	0,9	-0,6	17,5	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP FPT	FPT VN	56.100	38.051	49,0	-6,1	1,1	-4,1	6,0	37,1	12,3	10,5	2,5	2,3	23,7	24,2
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	99.900	191.204	3,7	4,4	-0,8	-5,9	-0,9	-14,2	16,2	15,8	3,9	3,6	25,8	24,6
CTCP Gemadept	GMD VN	26.600	7.898	49,0	-6,3	-1,5	-3,3	-5,7	-6,2	15,1	13,0	1,3	1,2	9,4	9,9
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	27.600	27.076	24,2	47,6	0,7	-2,3	8,2	-27,0	9,5	8,6	1,5	1,5	18,6	19,0
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	21.900	60.468	37,8	-14,6	2,8	0,0	2,3	-30,9	6,8	6,0	1,3	1,1	18,7	19,6
NHTMCP Quân đội	MBB VN	22.700	51.812	20,0	52,2	1,3	-1,5	8,5	3,2	7,4	6,3	1,4	1,2	21,0	20,7
Tập đoàn Masan	MSN VN	76.900	89.892	40,3	-38,0	0,5	-2,4	3,9	-14,4	19,5	16,0	2,6	2,3	14,5	15,4
CTCP Thế giới di động	MWG VN	123.000	54.457	49,0	25,0	1,7	-3,5	5,1	28,1	14,5	11,6	4,5	3,4	35,1	32,3
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	62.600	58.246	7,4	65,1	0,2	-1,6	0,8	-1,4	18,9	18,2	2,6	2,2	15,2	14,7
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	79.700	17.738	49,0	18,4	0,9	0,3	-1,6	-0,4	16,4	13,3	3,8	3,2	28,3	28,2
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	38.000	11.782	49,0	5,1	2,7	-3,1	6,9	2,8	6,9	6,5	1,1	1,0	17,2	15,9
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	25.850	14.672	2,6	3,9	-0,6	-1,3	-4,6	-35,4	NA	NA	NA	NA	NA	NA
CTCP Bia Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	258.500	165.771	63,4	-3,8	-0,6	-1,3	-2,8	15,8	35,2	29,4	9,3	8,0	30,6	31,2
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	17.900	9.400	6,0	-39,1	0,6	0,6	6,2	-7,0	26,7	NA	1,5	NA	6,8	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	21.400	10.872	57,0	-19,5	1,4	-7,6	1,4	-34,3	9,6	8,7	0,9	0,9	9,7	11,4
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	11.000	19.840	12,6	12,2	4,8	4,8	8,4	-20,6	9,3	8,5	NA	NA	8,2	8,5
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	23.550	82.345	22,5	-14,9	1,7	-0,8	6,1	-19,8	8,7	7,4	1,3	1,1	16,8	16,6
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	85.100	315.625	23,8	50,6	2,8	2,0	10,1	38,1	19,3	14,9	3,9	3,2	23,3	24,1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	88.600	296.767	15,1	44,1	-0,4	-0,7	-0,2	10,8	16,1	11,4	4,7	3,4	34,1	34,0
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	117.100	391.809	15,2	-91,6	0,1	-2,3	-3,3	21,2	69,3	44,4	5,0	4,5	6,1	8,1
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	137.400	71.975	19,9	3,8	0,0	-0,1	5,4	-2,3	12,8	10,6	4,2	3,3	37,8	37,0
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	129.000	224.638	59,0	8,4	-0,1	0,8	5,0	-3,0	23,1	21,9	8,1	7,5	38,3	38,0
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	22.000	54.048	23,2	5,7	1,1	-1,6	8,1	-13,0	7,2	5,8	1,3	1,1	19,3	19,5
CTCP Vincom Retail	VRE VN	31.250	72.776	31,6	57,1	-0,8	-4,4	-8,4	-2,6	24,8	20,4	2,4	2,2	9,5	10,8

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

\*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

## Biến động ngành

Ngành	% Thay đổi (1D)	Điểm tác động VN-Index
Tài chính	1,90	4,93
Bất động sản	-0,13	-0,34
Tiêu dùng lâu bền	-0,12	-0,21
Tiện ích	-0,59	-0,49
Công nghiệp	0,39	0,31
Nguyên vật liệu	1,46	0,48
Năng lượng	0,15	0,03
Tiêu dùng nhanh	0,77	0,25
Y Tế	0,23	0,02
Công nghệ thông tin	1,02	0,13
Dịch vụ thông tin	0,78	0,01

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 cổ phiếu vốn hóa lớn

Mã CP	Thị giá	Vốn hóa (tỷ đồng)	% Thay đổi (1D)
VIC VN	117.100	391.809	0,09
VCB VN	85.100	315.625	2,78
VHM VN	88.600	296.767	-0,45
VNM VN	129.000	224.638	-0,08
GAS VN	99.900	191.204	-0,79
SAB VN	258.500	165.771	-0,58
BID VN	41.100	140.509	1,73
MSN VN	76.900	89.892	0,52
TCB VN	23.550	82.345	1,73
CTG VN	20.750	77.261	0,97

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	85.100	2,78	1.461.940	2,52
BID VN	41.100	1,73	650.420	0,71
HPG VN	21.900	2,82	3.977.030	0,49
TCB VN	23.550	1,73	1.939.340	0,41
HVN VN	33.350	2,14	335.530	0,29
STB VN	11.000	4,76	11.682.970	0,27
MWG VN	123.000	1,65	617.490	0,26
BVH VN	71.900	1,70	133.110	0,25
CTG VN	20.750	0,97	1.145.820	0,22
MBB VN	22.700	1,34	4.917.580	0,20

Nguồn: Bloomberg

## Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
GAS VN	99.900	-0,79	425.630	-0,45
VHM VN	88.600	-0,45	315.010	-0,40
SAB VN	258.500	-0,58	4.820	-0,28
VRE VN	31.250	-0,79	2.322.130	-0,17
VNM VN	129.000	-0,08	537.440	-0,05
HT1 VN	15.200	-2,56	462.350	-0,05
VHC VN	78.500	-1,88	245.050	-0,04
EIB VN	16.800	-0,59	3.440	-0,04
GMD VN	26.600	-1,48	593.420	-0,04
POW VN	12.950	-0,38	1.731.410	-0,03

## Disclaimers

This report is prepared strictly for private circulation only to clients of Mirae Asset Wealthmanagement Vietnam LLC (MAWMVN). It is purposed only to person having professional experience in matters relating to investments. The information contained in this report has been taken from sources which we deem reliable. No warranty (express or implied) is made to the accuracy or completeness of the information. All opinions and estimates included in this report constitute our judgments as of this date, without regards to its fairness, and are subject to change without notice. However, none of DWS and/or its affiliated companies and/or their respective employees and/or agents makes any representation or warranty (express or implied) or accepts any responsibility or liability as to, or in relation to, the accuracy or completeness of the information and opinions contained in this report or as to any information contained in this report or any other such information or opinions remaining unchanged after the issue thereof. We expressly disclaim any responsibility or liability (express or implied) of (MAWMVN), its affiliated companies and their respective employees and agents whatsoever and howsoever arising (including, without limitation for any claims, proceedings, action, suits, losses, expenses, damages or costs) which may be brought against or suffered by any person as a results of acting in reliance upon the whole or any part of the contents of this report and neither (MAWMVN), its affiliated companies or their respective employees or agents accepts liability for any errors, omissions or misstatements, negligent or otherwise, in the report and any liability in respect of the report or any inaccuracy therein or omission there from which might otherwise arise is hereby expresses disclaimed.

This document is not an offer to sell or a solicitation to buy any securities. This firms and its affiliates and their officers and employees may have a position, make markets, act as principal or engage in transaction in securities or related investments of any company mentioned herein, may perform services for or solicit business from any company mentioned herein, and may have acted upon or used any of the recommendations herein before they have been provided to you. © Mirae Asset 2016.